

MÃ ĐỀ: 111

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1. Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển ngành công nghiệp khai khoáng là gì?

- A. Kỹ thuật hiện đại. B. Lao động dồi dào.
C. Khoáng sản phong phú. D. Nhu cầu rất lớn.

Câu 2. Các ngành nào sau đây được Trung Quốc tập trung phát triển trong chính sách công nghiệp mới?

- A. Chế tạo máy, luyện kim, hóa dầu, sản xuất ô tô, xây dựng.
B. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô, xây dựng.
C. Chế tạo máy, điện tử, chế biến thực phẩm, dệt - may, xây dựng.
D. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô, dệt - may.

Câu 3. Các trung tâm công nghiệp nào ở Trung Quốc hiện nay có quy mô rất lớn?

- A. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Trùng Khánh, Thẩm Dương.
B. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Trùng Khánh, Thành Đô.
C. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Trùng Khánh, Quảng Châu.
D. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Trùng Khánh, Côn Minh.

Câu 4. Trung Quốc đứng đầu thế giới về sản lượng nông nghiệp nào sau đây?

- A. Lương thực, bông, thịt lợn. B. Lúa gạo, kê, chè, ngũ cốc.
C. Khoai tây, kê, ngũ cốc, chè. D. Lúa mì, ngô, khoai tây, kê.

Câu 5. Các biện pháp phát triển nông nghiệp Trung Quốc để tạo điều kiện khai thác tiềm năng nào sau đây?

- A. Sức lao động người dân và thị trường. B. Tài nguyên thiên nhiên và nguồn vốn.
C. Nguồn vốn và sức lao động người dân. D. Lao động và tài nguyên thiên nhiên.

Câu 6. Trung Quốc đang đứng đầu thế giới về chiều dài đường nào sau đây?

- A. Đường ô tô cao tốc. B. Đường sắt đệm từ.
C. Đường thủy nội địa. D. Đường biển quốc tế.

Câu 7. Liên bang Nga là nước có sản lượng khai thác dầu mỏ chiếm khoảng 12,5% và khí tự nhiên chiếm 16,6% tổng sản lượng thế giới (năm 2020).

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 8. Liên bang Nga là nước khai thác nhiều quặng kim loại, đứng thứ 3 thế giới về sản xuất vàng và quặng sắt.

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 9. Trung tâm công nghiệp hàng không vũ trụ lớn nhất của Liên bang Nga là Vla-đi-vô-xtốc.

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 10. Liên bang Nga là quốc gia đóng được nhiều loại tàu khác nhau như: tàu ngầm, tàu phá băng nguyên tử.

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 11. Ngành công nghiệp thực phẩm của Liên bang Nga không phát triển, chỉ sản xuất một số mặt hàng xuất khẩu như: khoai tây, rau quả.

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 12. Sản lượng điện của Liên bang Nga chiếm khoảng 10% sản lượng điện toàn thế giới (năm 2020).

A. Đúng.

B. Sai.

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm) Hãy trả lời mỗi câu hỏi sau đây bằng 1 cụm từ có **tối đa là 4 từ**.

a. Nhật Bản có đặc điểm cơ cấu dân số như thế nào?

b. Mật độ dân số trung bình của Nhật Bản năm 2020 là bao nhiêu?

c. Dân tộc nào của Nhật Bản chiếm 98% dân số?

d. Chỉ số HDI của Nhật Bản hiện nay thuộc vào nhóm nào?

Câu 2. (3,0 điểm) Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của yếu tố địa hình - đất đai, biển và sinh vật đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

Câu 3. (1,0 điểm) Giải thích nguyên nhân phát triển nền kinh tế Nhật Bản?

Câu 4. (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI CỦA CỘNG HÒA NAM PHI GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

(Đơn vị: %)

Năm Độ tuổi	2000	2005	2010	2020
Dưới 15 tuổi	34,0	33,0	31,0	29,0
Từ 15 đến 64 tuổi	62,0	63,0	64,0	65,0
Từ 65 tuổi trở lên	4,0	4,0	5,0	6,0

Căn cứ vào bảng số liệu, nhận xét về cơ cấu dân số theo tuổi của Cộng hòa Nam Phi giai đoạn 2000 – 2020 và giải thích.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh:Số báo danh:.....

MÃ ĐỀ: 112

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1. Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng là gì?

- A. Nguyên liệu phong phú, dân cư đông đúc. B. Dân cư đông đúc, máy móc hiện đại.
C. Máy móc hiện đại, nguyên liệu dồi dào. D. Nguyên liệu dồi dào, phân bố rộng.

Câu 2. Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển công nghiệp luyện kim đen là gì?

- A. Kỹ thuật hiện đại. B. Lao động đông đảo.
C. Nguyên liệu dồi dào. D. Nhu cầu rất lớn.

Câu 3. Các sản phẩm công nghiệp nào sau đây ở Trung Quốc có sản lượng đứng hàng đầu thế giới trong nhiều năm?

- A. Phân đạm, da giày, dầu mỏ, điện. B. Thép, xi măng, phân đạm, da giày.
C. Xi măng, phân đạm, da giày, dầu mỏ. D. Điện, thép, xi măng, phân đạm.

Câu 4. Trung tâm công nghiệp nào sau đây nằm ở miền Tây Trung Quốc?

- A. Urumsi. B. Cáp Nhĩ Tân.
C. Phúc Châu. D. Thẩm Dương.

Câu 5. Các ngành công nghiệp nào sau đây góp phần quyết định chủ yếu vào việc chế tạo thành công tàu vũ trụ ở Trung Quốc?

- A. Điện tử, luyện kim đen, sản xuất máy tự động.
B. Điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất máy tự động.
C. Điện tử, luyện kim màu, sản xuất máy tự động.
D. Điện tử, năng lượng, sản xuất máy tự động.

Câu 6. Trung Quốc đứng đầu thế giới về sản lượng nông nghiệp nào sau đây?

- A. Lương thực, bông, thịt lợn. B. Lúa gạo, kê, chè, ngũ cốc.
C. Khoai tây, kê, ngũ cốc, chè. D. Lúa mì, ngô, khoai tây, kê.

Câu 7. Liên bang Nga là nước khai thác than đứng thứ năm trên thế giới và xuất khẩu than đứng thứ hai thế giới.

- A. Đúng. B. Sai

Câu 8. Ngành công nghiệp điện lực Liên bang Nga có cơ cấu đa dạng và phát triển mạnh mẽ.

- A. Đúng. B. Sai

Câu 9. Liên bang Nga có sản lượng thép đạt 51,6 triệu tấn (2020), chiếm 5,8% sản lượng thép toàn thế giới.

- A. Đúng. B. Sai

Câu 10. Liên bang Nga là cường quốc thế giới về hàng không vũ trụ, có nhiều tên lửa phóng lên quỹ đạo.

- A. Đúng. B. Sai

Câu 11. Liên bang Nga là nước có sản lượng điện cao, chiếm khoảng 4% sản lượng điện toàn thế giới (năm 2020).

- A. Đúng. B. Sai

Câu 12. Ngành công nghiệp luyện kim ở Liên bang Nga phát triển mạnh và đứng đầu thế giới về xuất khẩu thép.

- A. Đúng. B. Sai

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm) Hãy trả lời mỗi câu hỏi sau đây bằng 1 cụm từ có **tối đa là 4 từ**.

- a. Dân số Nhật Bản năm 2020 là bao nhiêu?
- b. Dân cư Nhật Bản tập trung đông ở ven bờ Thái Bình Dương của hai đảo nào?
- c. Kể tên một số nền văn hóa đặc trưng của Nhật Bản?
- d. Tuổi thọ trung bình của Nhật Bản cao nhất thế giới là bao nhiêu?

Câu 2. (3,0 điểm) Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của yếu tố khí hậu, sông - hồ và sinh vật đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

Câu 3. (1,0 điểm) Giải thích nguyên nhân phát triển nền kinh tế Nhật Bản?

Câu 4. (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI CỦA CỘNG HÒA NAM PHI GIAI ĐOẠN 2005 – 2020
(Đơn vị: %)

Độ tuổi \ Năm	2005	2010	2015	2020
Dưới 15 tuổi	33,0	31,0	30,0	29,0
Từ 15 đến 64 tuổi	63,0	64,0	64,0	65,0
Từ 65 tuổi trở lên	4,0	5,0	6,0	6,0

Căn cứ vào bảng số liệu, nhận xét về cơ cấu dân số theo tuổi của Cộng hòa Nam Phi giai đoạn 2005 – 2020 và giải thích.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:.....

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1. Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng là gì?

- A. Nguyên liệu phong phú, dân cư đông đúc.
- B. Dân cư đông đúc, máy móc hiện đại.
- C. Máy móc hiện đại, nguyên liệu dồi dào.
- D. Nguyên liệu dồi dào, nơi phân bố rộng.

Câu 2 Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển ngành công nghiệp khai khoáng là gì?

- A. Kỹ thuật hiện đại.
- B. Lao động dồi dào.
- C. Khoáng sản phong phú.
- D. Nhu cầu rất lớn.

Câu 3. Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển công nghiệp luyện kim đen là gì?

- A. Kỹ thuật hiện đại.
- B. Lao động đông đảo.
- C. Nguyên liệu dồi dào.
- D. Nhu cầu rất lớn.

Câu 4. Các sản phẩm công nghiệp nào sau đây ở Trung Quốc có sản lượng đứng hàng đầu thế giới trong nhiều năm?

- A. Phân đạm, da giày, dầu mỏ, điện.
- B. Thép, xi măng, phân đạm, da giày.
- C. Xi măng, phân đạm, da giày, dầu mỏ.
- D. Điện, thép, xi măng, phân đạm.

Câu 5. Trung tâm công nghiệp nào sau đây nằm ở miền Tây Trung Quốc?

- A. Cáp Nhĩ Tân.
- B. Urumsi.
- C. Phúc Châu.
- D. Thẩm Dương.

Câu 6. Trung Quốc đứng đầu thế giới về sản lượng nông nghiệp nào sau đây?

- A. Lương thực, bông, thịt lợn.
- B. Lúa gạo, kê, chè, ngũ cốc.
- C. Khoai tây, kê, ngũ cốc, chè.
- D. Lúa mì, ngô, khoai tây, kê.

Câu 7. Liên bang Nga là nước khai thác than đứng thứ năm trên thế giới và xuất khẩu than đứng thứ hai thế giới.

- A. Đúng.
- B. Sai

Câu 8. Liên bang Nga là nước khai thác nhiều quặng kim loại, đứng đầu về sản xuất vàng và quặng sắt.

- A. Đúng.
- B. Sai

Câu 9. Liên bang Nga là cường quốc thế giới về hàng không vũ trụ, có nhiều tên lửa phóng lên quỹ đạo.

- A. Đúng.
- B. Sai

Câu 10. Liên bang Nga là quốc gia đóng được nhiều loại tàu khác nhau như: tàu ngầm, tàu phá băng nguyên tử.

A. Đúng.

B. Sai

Câu 11. Ngành công nghiệp thực phẩm của Liên bang Nga không phát triển, chỉ sản xuất một số mặt hàng xuất khẩu như: khoai tây, rau quả, cá đóng hộp.

A. Đúng.

B. Sai

Câu 12. Trung tâm công nghiệp hàng không vũ trụ lớn nhất của Liên bang Nga là Vla-đi-vô-xtốc.

A. Đúng.

B. Sai

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm) Hãy trả lời mỗi câu hỏi sau đây bằng 1 cụm từ có **tối đa là 4 từ**.

a. Kể tên một số nền văn hóa đặc trưng của Nhật Bản?

b. Đặc trưng về văn hóa con người Nhật Bản có tính tập thể, ham học hỏi và tinh thần gì?

c. Người Nhật chú trọng đầu tư cho giáo dục nên tỉ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt bao nhiêu?

d. Chỉ số HDI của Nhật Bản hiện nay thuộc vào nhóm nào?

Câu 2. (4,0 điểm) Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của yếu tố địa hình – đất, sông – hồ và biển đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM ĐỊA LÍ KHỐI 11

MÃ ĐỀ 111

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	B	C	A	D	A	A	B	B	A	B	B

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Thang điểm												
1	Hãy trả lời mỗi câu hỏi sau đây bằng 1 cụm từ có tối đa là 4 từ. a. Nhật Bản có đặc điểm cơ cấu dân số: già/dân số già. b. Mật độ dân số trung bình của Nhật Bản năm 2020 là: 338 người/km². c. Dân tộc ở Nhật Bản chiếm 98% là: Ya-ma-tô. d. Chỉ số HDI của Nhật Bản hiện nay thuộc vào nhóm: rất cao.	1,0đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ												
2	Đặc điểm và ảnh hưởng của yếu tố địa hình - đất đai, biển và sinh vật đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc. <table> <tr> <th>YTTN</th><th>Đặc điểm</th><th>Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội</th></tr> <tr> <td>Địa hình, đất</td><td> - Miền Tây: + Địa hình: nhiều dãy núi và sơn nguyên cao, đồ sộ; xen lẫn là các bồn địa và cao nguyên; ngoài ra còn có nhiều hoang mạc lớn. + Đất: đất xám, hoang mạc và bán hoang mạc. - Miền Đông: + Địa hình: gồm các đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồi núi thấp. + Đất: đất phù sa sông màu mỡ. </td><td> + Miền Tây: Địa hình hiểm trở khó khăn cho giao thông và sản xuất, chỉ ở một số nơi có điều kiện để phát triển rừng và chăn nuôi gia súc. + Miền Đông: thuận lợi để phát triển các vùng nông nghiệp trù phú. </td></tr> <tr> <td>Biển</td><td> - Vùng biển rộng và có các ngư trường lớn. - Đường bờ biển dài khoảng 9000 km, nhiều vịnh biển sâu và bãi biển đẹp... </td><td>Thuận lợi phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác và đánh bắt thủy sản, công nghiệp chế biến, du lịch,...</td></tr> <tr> <td>Sinh vật</td><td> - Rừng tự nhiên có diện tích lớn: + Miền Tây: thảo nguyên, hoang mạc và bán hoang mạc. + Miền Đông: rừng lá kim, rừng hỗn hợp và rừng lá rộng, rừng cận nhiệt ẩm phân bố nhiều. - Nhiều loài động vật quý, giá trị như: báo gấm, sói xám, gấu trúc,... </td><td>Rừng cung cấp gỗ, nhiều dược liệu quý và tạo tiềm năng để phát triển du lịch.</td></tr> </table>	YTTN	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội	Địa hình, đất	- Miền Tây: + Địa hình: nhiều dãy núi và sơn nguyên cao, đồ sộ; xen lẫn là các bồn địa và cao nguyên; ngoài ra còn có nhiều hoang mạc lớn. + Đất: đất xám, hoang mạc và bán hoang mạc. - Miền Đông: + Địa hình: gồm các đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồi núi thấp. + Đất: đất phù sa sông màu mỡ.	+ Miền Tây: Địa hình hiểm trở khó khăn cho giao thông và sản xuất, chỉ ở một số nơi có điều kiện để phát triển rừng và chăn nuôi gia súc. + Miền Đông: thuận lợi để phát triển các vùng nông nghiệp trù phú.	Biển	- Vùng biển rộng và có các ngư trường lớn. - Đường bờ biển dài khoảng 9000 km, nhiều vịnh biển sâu và bãi biển đẹp...	Thuận lợi phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác và đánh bắt thủy sản, công nghiệp chế biến, du lịch,...	Sinh vật	- Rừng tự nhiên có diện tích lớn: + Miền Tây: thảo nguyên, hoang mạc và bán hoang mạc. + Miền Đông: rừng lá kim, rừng hỗn hợp và rừng lá rộng, rừng cận nhiệt ẩm phân bố nhiều. - Nhiều loài động vật quý, giá trị như: báo gấm, sói xám, gấu trúc,...	Rừng cung cấp gỗ, nhiều dược liệu quý và tạo tiềm năng để phát triển du lịch.	3,0đ 1,25đ 0,75đ 1,0đ
YTTN	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội												
Địa hình, đất	- Miền Tây: + Địa hình: nhiều dãy núi và sơn nguyên cao, đồ sộ; xen lẫn là các bồn địa và cao nguyên; ngoài ra còn có nhiều hoang mạc lớn. + Đất: đất xám, hoang mạc và bán hoang mạc. - Miền Đông: + Địa hình: gồm các đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồi núi thấp. + Đất: đất phù sa sông màu mỡ.	+ Miền Tây: Địa hình hiểm trở khó khăn cho giao thông và sản xuất, chỉ ở một số nơi có điều kiện để phát triển rừng và chăn nuôi gia súc. + Miền Đông: thuận lợi để phát triển các vùng nông nghiệp trù phú.												
Biển	- Vùng biển rộng và có các ngư trường lớn. - Đường bờ biển dài khoảng 9000 km, nhiều vịnh biển sâu và bãi biển đẹp...	Thuận lợi phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác và đánh bắt thủy sản, công nghiệp chế biến, du lịch,...												
Sinh vật	- Rừng tự nhiên có diện tích lớn: + Miền Tây: thảo nguyên, hoang mạc và bán hoang mạc. + Miền Đông: rừng lá kim, rừng hỗn hợp và rừng lá rộng, rừng cận nhiệt ẩm phân bố nhiều. - Nhiều loài động vật quý, giá trị như: báo gấm, sói xám, gấu trúc,...	Rừng cung cấp gỗ, nhiều dược liệu quý và tạo tiềm năng để phát triển du lịch.												

3	Những nguyên nhân phát triển nền kinh tế Nhật Bản.	1,0đ
	+ Chú trọng đầu tư hiện đại hoá công nghiệp, tập trung phát triển trọng điểm các ngành then chốt ở mỗi giai đoạn.	0,25đ
	+ Đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ, xây dựng các ngành công nghiệp có trình độ kỹ thuật cao, đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài,...	0,25đ
	+ Hiện đại hoá và hợp lý hoá các xí nghiệp nhỏ và trung bình.	0,25đ
4	+ Từ năm 2001, Nhật Bản xúc tiến các chương trình cải cách lớn trong đó có cải cách cơ cấu kinh tế, giảm thâm hụt ngân sách, cải cách khu vực tài chính,...	0,25đ
	Nhận xét về cơ cấu dân số theo tuổi của Cộng hòa Nam Phi giai đoạn 2000 – 2020 và giải thích.	2,0đ
	Nhận xét	0,25đ
	- Độ tuổi dưới 15 tuổi giai đoạn 2000 – 2020: chiếm tỉ trọng khá cao và giảm khá nhanh (giảm 5%)	0,25đ
	- Độ tuổi từ 15 đến 64 tuổi giai đoạn 2000 – 2020: chiếm tỉ trọng cao và tăng chậm (tăng 3%)	0,25đ
	- Độ tuổi từ 65 tuổi trở lên giai đoạn 2000 – 2020: chiếm tỉ trọng thấp và tăng chậm (tăng 2%)	0,5đ
	Giải thích:	0,5đ
	+ Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên tuy có giảm nhưng vẫn còn khá cao nên tỉ trọng độ tuổi dưới 15 tuổi còn cao nhưng có xu hướng giảm.	0,25đ
	+ Do chất lượng cuộc sống ngày càng cao, y tế phát triển... => tuổi thọ tăng => tỉ trọng độ tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng.	0,25đ
	+ Tỉ trọng độ tuổi dưới 15 tuổi cao, từ 65 tuổi trở lên rất thấp làm cho tỉ trọng từ 15 đến 64 tuổi lớn.	

(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác ý nhưng cùng nội dung vẫn chấm điểm)

.....HẾT.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM ĐỊA LÍ KHỐI 11

MÃ ĐỀ 112

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	C	D	A	B	A	B	A	B	A	A	B

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Thang điểm												
1	Hãy trả lời mỗi câu hỏi sau đây bằng 1 cụm từ có tối đa là 4 từ. a. Dân số Nhật Bản năm 2020 là: 126,2 triệu người. b. Dân cư Nhật Bản tập trung đông ở ven bờ Thái Bình Dương của hai đảo: Hôn-su và Xi-cô-cư. c. Kể tên một số nền văn hóa đặc trưng của Nhật Bản: Trà đạo, su-shi/ lễ hội, trang phục. d. Tuổi thọ trung bình của Nhật Bản cao nhất thế giới là: 84 tuổi.	1,0đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ												
2	Đặc điểm và ảnh hưởng của yếu tố khí hậu, sông – hồ và sinh vật đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc. <table> <tr> <th>YTTN</th><th>Đặc điểm</th><th>Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội</th></tr> <tr> <td>Khí hậu</td><td> - Phần lớn lãnh thổ có khí hậu ôn đới, phía nam khí hậu cận nhiệt và nhiệt đới. + Miền Tây: khí hậu lục địa khô hạn, mưa ít, nhiệt độ chênh lệch khá lớn giữa ngày đêm và các mùa. + Miền Đông: khí hậu gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều vào mùa hạ và lạnh khô vào mùa đông. + Trên các núi và sơn nguyên cao: khí hậu núi cao, mùa đông lạnh, mùa hạ mát. </td><td> + Thuận lợi: đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp. + Khó khăn: cho sản xuất và cư trú ở các vùng có khí hậu lục địa khắc nghiệt. </td></tr> <tr> <td>Sông, hồ</td><td> - Sông: Có nhiều sông lớn như: Trường Giang, Hoàng Hà, Hắc Long Giang.... - Hồ: Có nhiều hồ lớn như: Động Đình, Thái Hồ,... </td><td> + Sông: giao thông vận tải, thủy điện, cung cấp nước. + Hồ: nơi dự trữ nguồn nước ngọt, du lịch. </td></tr> <tr> <td>Sinh vật</td><td> - Rừng tự nhiên có diện tích lớn: + Miền Tây: thảo nguyên, hoang mạc và bán hoang mạc. + Miền Đông: rừng lá kim, rừng hỗn hợp và rừng lá rộng, rừng cận nhiệt ẩm phân bố nhiều. - Nhiều loài động vật quý, giá trị như: báo gấm, sói xám, gấu trúc,... </td><td> Rừng cung cấp gỗ, nhiều dược liệu quý và tạo tiềm năng để phát triển du lịch. </td></tr> </table>	YTTN	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội	Khí hậu	- Phần lớn lãnh thổ có khí hậu ôn đới, phía nam khí hậu cận nhiệt và nhiệt đới. + Miền Tây: khí hậu lục địa khô hạn, mưa ít, nhiệt độ chênh lệch khá lớn giữa ngày đêm và các mùa. + Miền Đông: khí hậu gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều vào mùa hạ và lạnh khô vào mùa đông. + Trên các núi và sơn nguyên cao: khí hậu núi cao, mùa đông lạnh, mùa hạ mát.	+ Thuận lợi: đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp. + Khó khăn: cho sản xuất và cư trú ở các vùng có khí hậu lục địa khắc nghiệt.	Sông, hồ	- Sông: Có nhiều sông lớn như: Trường Giang, Hoàng Hà, Hắc Long Giang.... - Hồ: Có nhiều hồ lớn như: Động Đình, Thái Hồ,...	+ Sông: giao thông vận tải, thủy điện, cung cấp nước. + Hồ: nơi dự trữ nguồn nước ngọt, du lịch.	Sinh vật	- Rừng tự nhiên có diện tích lớn: + Miền Tây: thảo nguyên, hoang mạc và bán hoang mạc. + Miền Đông: rừng lá kim, rừng hỗn hợp và rừng lá rộng, rừng cận nhiệt ẩm phân bố nhiều. - Nhiều loài động vật quý, giá trị như: báo gấm, sói xám, gấu trúc,...	Rừng cung cấp gỗ, nhiều dược liệu quý và tạo tiềm năng để phát triển du lịch.	3,0đ 1,25đ 0,75đ 1,0đ
YTTN	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội												
Khí hậu	- Phần lớn lãnh thổ có khí hậu ôn đới, phía nam khí hậu cận nhiệt và nhiệt đới. + Miền Tây: khí hậu lục địa khô hạn, mưa ít, nhiệt độ chênh lệch khá lớn giữa ngày đêm và các mùa. + Miền Đông: khí hậu gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều vào mùa hạ và lạnh khô vào mùa đông. + Trên các núi và sơn nguyên cao: khí hậu núi cao, mùa đông lạnh, mùa hạ mát.	+ Thuận lợi: đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp. + Khó khăn: cho sản xuất và cư trú ở các vùng có khí hậu lục địa khắc nghiệt.												
Sông, hồ	- Sông: Có nhiều sông lớn như: Trường Giang, Hoàng Hà, Hắc Long Giang.... - Hồ: Có nhiều hồ lớn như: Động Đình, Thái Hồ,...	+ Sông: giao thông vận tải, thủy điện, cung cấp nước. + Hồ: nơi dự trữ nguồn nước ngọt, du lịch.												
Sinh vật	- Rừng tự nhiên có diện tích lớn: + Miền Tây: thảo nguyên, hoang mạc và bán hoang mạc. + Miền Đông: rừng lá kim, rừng hỗn hợp và rừng lá rộng, rừng cận nhiệt ẩm phân bố nhiều. - Nhiều loài động vật quý, giá trị như: báo gấm, sói xám, gấu trúc,...	Rừng cung cấp gỗ, nhiều dược liệu quý và tạo tiềm năng để phát triển du lịch.												

3	Những nguyên nhân phát triển nền kinh tế Nhật Bản.	1,0đ
	+ Chú trọng đầu tư hiện đại hoá công nghiệp, tập trung phát triển trọng điểm các ngành then chốt ở mỗi giai đoạn.	0,25đ
	+ Đầu tư phát triển khoa học kĩ thuật và công nghệ, xây dựng các ngành công nghiệp có trình độ kĩ thuật cao, đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài,...	0,25đ
	+ Hiện đại hoá và hợp lí hoá các xí nghiệp nhỏ và trung bình.	0,25đ
4	+ Từ năm 2001, Nhật Bản xúc tiến các chương trình cải cách lớn trong đó có cải cách cơ cấu kinh tế, giảm thâm hụt ngân sách, cải cách khu vực tài chính,...	0,25đ
	Nhận xét về cơ cấu dân số theo tuổi của Cộng hòa Nam Phi giai đoạn 2005 – 2020 và giải thích.	2,0đ
	Nhận xét	0,25đ
	- Độ tuổi dưới 15 tuổi giai đoạn 2005 – 2020: chiếm tỉ trọng khá cao và giảm khá nhanh (giảm 4%)	0,25đ
	- Độ tuổi từ 15 đến 64 tuổi giai đoạn 2005 – 2020: chiếm tỉ trọng cao và tăng chậm (tăng 2%)	0,25đ
	- Độ tuổi từ 65 tuổi trở lên giai đoạn 2005 – 2020: chiếm tỉ trọng thấp và tăng chậm (tăng 2%)	0,5đ
	Giải thích:	0,5đ
	+ Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên tuy có giảm nhưng vẫn còn khá cao nên tỉ trọng độ tuổi dưới 15 tuổi còn cao nhưng có xu hướng giảm.	0,25đ
	+ Do chất lượng cuộc sống ngày càng cao, y tế phát triển... => tuổi thọ tăng => tỉ trọng độ tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng.	0,25đ
	+ Tỉ trọng độ tuổi dưới 15 tuổi cao, từ 65 tuổi trở lên rất thấp làm cho tỉ trọng từ 15 đến 64 tuổi lớn.	

(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác ý nhưng cùng nội dung vẫn chấm điểm)

.....**HẾT**.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM ĐỊA LÍ KHỐI 11
MÃ ĐỀ 115 (HÒA NHẬP)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	C	C	D	B	A	B	A	A	A	B	B

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Thang điểm												
1	Hãy trả lời mỗi câu hỏi sau đây bằng 1 cụm từ có tối đa là 4 từ. a. Một số nền văn hóa đặc trưng của Nhật Bản: Trà đạo, su-shi/ lễ hội, trang phục. b. Đặc trưng về văn hóa con người Nhật Bản có tính tập thể, ham học hỏi và tinh thần: trách nhiệm cao. c. Người Nhật chú trọng đầu tư cho giáo dục nên tỉ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt: 100%. d. Chỉ số HDI của Nhật Bản hiện nay thuộc vào nhóm: rất cao.	3,0đ 0,75đ 0,75đ 0,75đ 0,75đ												
2	Ảnh hưởng của đặc điểm địa hình - đất đai, khí hậu và sông, hồ đến phát triển kinh tế - xã hội Liên Bang Nga. <table border="1"> <thead> <tr> <th>ĐKTN</th><th>Đặc điểm</th><th>Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Địa hình, đất</td><td> - Miền Tây: + Địa hình: nhiều dãy núi và sơn nguyên cao, đồ sộ; xen lẫn là các bồn địa và cao nguyên; ngoài ra còn có nhiều hoang mạc lớn. + Đất: đất xám, hoang mạc và bán hoang mạc. - Miền Đông: + Địa hình: gồm các đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồi núi thấp. + Đất: đất phù sa sông màu mỡ. </td><td> + Miền Tây: Địa hình hiểm trở khó khăn cho giao thông và sản xuất, chỉ ở một số nơi có điều kiện để phát triển rừng và chăn nuôi gia súc. + Miền Đông: thuận lợi để phát triển các vùng nông nghiệp trù phú. </td></tr> <tr> <td>Sông, hồ</td><td> - Sông: Có nhiều sông lớn như: Trường Giang, Hoàng Hà, Hắc Long Giang.... - Hồ: Có nhiều hồ lớn như: Động Đình, Thái Hồ,... </td><td> + Sông: giao thông vận tải, thủy điện, cung cấp nước. + Hồ: nơi dự trữ nguồn nước ngọt, du lịch. </td></tr> <tr> <td>Biển</td><td> - Vùng biển rộng và có các ngư trường lớn. - Đường bờ biển dài khoảng 9000 km, nhiều vịnh biển sâu và bãi biển đẹp... </td><td> Thuận lợi phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác và đánh bắt thủy sản, công nghiệp chế biến, du lịch,... </td></tr> </tbody> </table>	ĐKTN	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội	Địa hình, đất	- Miền Tây: + Địa hình: nhiều dãy núi và sơn nguyên cao, đồ sộ; xen lẫn là các bồn địa và cao nguyên; ngoài ra còn có nhiều hoang mạc lớn. + Đất: đất xám, hoang mạc và bán hoang mạc. - Miền Đông: + Địa hình: gồm các đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồi núi thấp. + Đất: đất phù sa sông màu mỡ.	+ Miền Tây: Địa hình hiểm trở khó khăn cho giao thông và sản xuất, chỉ ở một số nơi có điều kiện để phát triển rừng và chăn nuôi gia súc. + Miền Đông: thuận lợi để phát triển các vùng nông nghiệp trù phú.	Sông, hồ	- Sông: Có nhiều sông lớn như: Trường Giang, Hoàng Hà, Hắc Long Giang.... - Hồ: Có nhiều hồ lớn như: Động Đình, Thái Hồ,...	+ Sông: giao thông vận tải, thủy điện, cung cấp nước. + Hồ: nơi dự trữ nguồn nước ngọt, du lịch.	Biển	- Vùng biển rộng và có các ngư trường lớn. - Đường bờ biển dài khoảng 9000 km, nhiều vịnh biển sâu và bãi biển đẹp...	Thuận lợi phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác và đánh bắt thủy sản, công nghiệp chế biến, du lịch,...	4,0đ 2,0đ 1,0đ 1,0đ
ĐKTN	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội												
Địa hình, đất	- Miền Tây: + Địa hình: nhiều dãy núi và sơn nguyên cao, đồ sộ; xen lẫn là các bồn địa và cao nguyên; ngoài ra còn có nhiều hoang mạc lớn. + Đất: đất xám, hoang mạc và bán hoang mạc. - Miền Đông: + Địa hình: gồm các đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồi núi thấp. + Đất: đất phù sa sông màu mỡ.	+ Miền Tây: Địa hình hiểm trở khó khăn cho giao thông và sản xuất, chỉ ở một số nơi có điều kiện để phát triển rừng và chăn nuôi gia súc. + Miền Đông: thuận lợi để phát triển các vùng nông nghiệp trù phú.												
Sông, hồ	- Sông: Có nhiều sông lớn như: Trường Giang, Hoàng Hà, Hắc Long Giang.... - Hồ: Có nhiều hồ lớn như: Động Đình, Thái Hồ,...	+ Sông: giao thông vận tải, thủy điện, cung cấp nước. + Hồ: nơi dự trữ nguồn nước ngọt, du lịch.												
Biển	- Vùng biển rộng và có các ngư trường lớn. - Đường bờ biển dài khoảng 9000 km, nhiều vịnh biển sâu và bãi biển đẹp...	Thuận lợi phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác và đánh bắt thủy sản, công nghiệp chế biến, du lịch,...												

(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác ý nhưng cùng nội dung vẫn chấm điểm)

.....HẾT.....